

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huồi Một, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huồi Một, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44 - TT14 Đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên Sàn UpCOM với mã NED.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Ngự	Chủ tịch
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên
Ông Phí Văn Thịnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)
Ông Trần Văn Huyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Văn Hồ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)
Bà Trần Thị Trinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)
Ông Trần Văn Phúc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH(Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành,



Trần Văn Ngu
Chủ tịch HĐQT

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Số: 372/2025/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc, được lập ngày 26 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
A - (100=110+130+140+150)	100		68.107.350.455	38.534.057.757
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	40.740.989.997	23.363.676.911
1. Tiền	111		18.740.989.997	18.863.676.911
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	4.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.243.646.175	12.742.943.881
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	11.122.836.196	9.478.220.195
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		411.459.892	416.346.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	10.709.350.087	2.848.377.186
IV. Hàng tồn kho	140		1.700.047.487	1.705.657.298
1. Hàng tồn kho	141	5.4	1.700.047.487	1.705.657.298
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.422.666.796	721.779.667
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	679.334.882	721.779.667
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	2.743.331.914	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		630.666.473.846	689.058.537.287
II. Tài sản cố định	220		544.219.231.498	548.697.562.785
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	544.219.231.498	548.697.562.785
- Nguyên giá	222		773.335.725.080	769.161.128.861
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(229.116.493.582)	(220.463.566.076)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		360.000.000	360.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(360.000.000)	(360.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.050.591.612	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.050.591.612	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	76.729.860.000	130.679.860.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	130.679.860.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		76.729.860.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.666.790.736	9.681.114.502
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	8.666.790.736	9.681.114.502
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		698.773.824.301	727.592.595.044
(270 = 100+200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		221.948.453.071	241.151.509.019
I. Nợ ngắn hạn	310		87.194.548.300	87.919.563.978
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	5.007.632.927	7.746.958.573
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.112.389.119	3.724.812.435
4. Phải trả người lao động	314		1.025.605.972	1.519.497.372
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	821.401.844	282.345.124
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	52.866.103.489	47.873.668.423
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	23.705.799.118	24.929.020.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.655.615.831	1.843.262.051
II. Nợ dài hạn	330		134.753.904.771	153.231.945.041
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	133.654.400.000	152.138.640.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.099.504.771	1.093.305.041
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		476.825.371.230	486.441.086.025
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	476.825.371.230	486.441.086.025
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		405.000.000.000	405.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		405.000.000.000	405.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.545.454.545	2.545.454.545
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69.199.171.166	78.814.857.755
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		57.732.503.975	50.870.609.935
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.466.667.191	27.944.247.820
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		80.745.519	80.773.725
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		698.773.824.301	727.592.595.044

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Chủ tịch HĐQT



Đoàn Văn Hiếu



Đoàn Văn Hiếu



Trần Văn Ngự

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	35.337.799.017	32.920.197.497
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		35.337.799.017	32.920.197.497
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	16.283.331.716	15.109.844.847
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		19.054.467.301	17.810.352.650
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.906.284.195	2.781.118.882
7. Chi phí tài chính	22	6.4	6.772.818.924	10.322.012.045
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.651.054.117	10.322.012.045
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	17.070.070
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	3.702.563.860	2.308.543.382
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		11.485.368.712	7.977.986.175
11. Thu nhập khác	31	6.6	-	39.809.091
12. Chi phí khác	32	6.6	12.529.997	303.772.141
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(12.529.997)	(263.963.050)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		11.472.838.715	7.714.023.125
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	1.603.425.539
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6.199.730	211.594.214
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		11.466.638.985	5.899.003.372
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		11.466.667.191	5.901.081.901
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(28.206)	(2.078.529)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	283	135
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	248	135

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2025
Chủ tịch HĐQT

Người lập

Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu

Đoàn Văn Hiếu

Trần Văn Ngự



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.472.838.715	7.714.023.125
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		8.652.927.506	8.683.362.648
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		121.764.807	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.906.284.195)	(2.781.118.882)
- Chi phí lãi vay	06		6.651.054.117	10.322.012.045
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.992.300.950	23.938.278.936
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.879.418.707)	5.217.006.522
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.609.811	(92.540.419)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		634.013.001	338.994.857
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.056.768.551	1.530.678.275
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.065.492.645)	(10.047.773.757)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.278.007.770)	(1.168.992.019)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.020.000.000)	(2.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.445.773.191	19.713.452.395
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.225.187.831)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(134.746.930.070)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		53.950.000.000	136.880.415.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.285.000.608	703.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		50.009.812.777	2.134.188.812
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.250.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.957.460.882)	(20.641.286.711)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.370.812.000)	(100.725.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(39.078.272.882)	(20.742.011.711)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		17.377.313.086	1.105.629.496
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	23.363.676.911	343.750.142
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	40.740.989.997	1.449.379.638

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Đoàn Văn Hiếu

Đoàn Văn Hiếu

Trần Văn Ngu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT- STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44 - TT14 Đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng lao động của Công ty mẹ và Công ty con tại ngày 30/6/2025 là 50 người (tại ngày 31/12/2024 là 51 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao Thông, thủy lợi, các công trình điện;
- Và một số ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có Công ty con như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La	Kinh doanh điện năng	99,91%	99,91%	99,91%

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN (Tiếp theo)

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc, Công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 03 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Hệ thống đập Nhà máy thủy điện	47 - 48
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Tổ máy phát điện	47 - 48
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 60 tháng.

Các chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu bán điện

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên “Biên bản xác nhận chỉ số công tơ và sản lượng điện năng” hàng tháng với Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty con được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án Đầu tư các nhà máy Thủy điện trên địa bàn tỉnh Sơn La có địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ do đó được hưởng các ưu đãi về mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 15 Luật đầu tư số 67/2014/QH13. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 363884504 chứng nhận lần đầu ngày 10/6/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 06/11/2017, Công ty con được:

- Áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2018 (từ năm 2018 đến hết năm 2032);
- Miễn thuế 4 năm kể từ năm 2018 (từ năm 2018 đến hết năm 2021).
- Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2022 đến hết năm 2030).

Năm 2025 là năm thứ 8 Công ty con được hưởng mức thuế TNDN là 10% và năm thứ tư hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động chính là sản xuất kinh doanh điện trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	13.477.642	7.030.671
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.727.512.355	18.856.646.240
Các khoản tương đương tiền	22.000.000.000	4.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới không quá 3 tháng	22.000.000.000	4.500.000.000
Tổng	40.740.989.997	23.363.676.911

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất là từ 4,0%/năm đến 4,2%/năm.

5.2 Phải thu khách hàng

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	11.122.836.196	9.478.220.195
Tổng Công ty Điện lực miền Bắc - Tập đoàn	11.122.836.196	9.478.220.195
Điện lực Việt Nam		
Tổng	11.122.836.196	9.478.220.195

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	10.709.350.087	-	2.848.377.186	-
Tạm ứng	8.171.245.710	-	1.933.000.087	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	7.000.000	-	7.000.000	-
Phải thu lãi chậm thanh toán thanh lý khoản đầu tư (*)	2.499.141.531	-	877.857.944	-
Phải thu khác	31.962.846	-	30.519.155	-
Tổng	10.709.350.087	-	2.848.377.186	-

(*) Khoản tiền lãi suất chậm thanh toán tính trên số tiền thanh toán chậm về khoản chuyển nhượng Cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc giữa Công ty và Ông Trần Văn Huyền với mức lãi suất 9%/năm.

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	602.643.349	-	657.426.558	-
Công cụ, dụng cụ	1.097.404.138	-	1.048.230.740	-
Tổng	1.700.047.487	-	1.705.657.298	-

5.5 Chi phí trả trước

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	679.334.882	721.779.667
Chi phí bảo hiểm công trình	378.371.126	219.104.571
Chi phí sửa chữa văn phòng	90.383.614	322.798.612
Chi phí chờ phân bổ khác	210.580.142	179.876.484
Dài hạn	8.666.790.736	9.681.114.502
Phí tư vấn giá trị Rers (Dự án Nậm Công, Nậm Sỏi, Nậm Chiến)	717.136.373	774.507.281
Chi phí trùng tu sửa chữa lớn các nhà máy	5.811.268.803	4.704.580.817
Chi phí gia công thiết bị cơ khí phục vụ NMTĐ Nậm Công, Nậm Sỏi	936.898.185	1.222.900.988
Chi phí nạo vét lòng hồ NMTĐ Nậm Sỏi	205.017.928	443.351.260
Chi phí cấp Giấy phép sử dụng nước mặt	156.525.484	194.308.414
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	839.943.963	2.341.465.742
Tổng	9.346.125.618	10.402.894.169

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huồi Một, Tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2025	526.832.765.608	236.039.449.968	4.900.126.330	1.388.786.955	769.161.128.861
Tăng trong kỳ	2.652.123.492	-	1.522.472.727	-	4.174.596.219
Mua trong kỳ	2.652.123.492	-	1.522.472.727	-	4.174.596.219
Số dư tại 30/6/2025	529.484.889.100	236.039.449.968	6.422.599.057	1.388.786.955	773.335.725.080
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2025	146.984.751.161	70.587.944.332	1.502.083.628	1.388.786.955	220.463.566.076
Tăng trong kỳ	5.772.291.903	2.625.162.945	255.472.658	-	8.652.927.506
Khấu hao trong kỳ	5.772.291.903	2.625.162.945	255.472.658	-	8.652.927.506
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	152.757.043.064	73.213.107.277	1.757.556.286	1.388.786.955	229.116.493.582
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	379.848.014.447	165.451.505.636	3.398.042.702	-	548.697.562.785
Tại 30/6/2025	376.727.846.036	162.826.342.691	4.665.042.771	-	544.219.231.498

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 539.631.710.203 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2025 là 548.541.902.605 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2025 là 10.365.674.191 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2025 là 9.481.374.191 đồng).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm tin học</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2025	360.000.000	360.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2025	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2025	360.000.000	360.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2025	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2025	-	-
Tại 30/6/2025	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2025 là 360.000.000 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2025 là 360.000.000 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		30/6/2025		01/01/2025	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
Đầu tư vào Công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc (1)			-	-	130.679.860.000	130.679.860.000
Công ty cổ phần SHP Ninh Bình (2)			-	-	76.729.860.000	76.729.860.000
			-	-	53.950.000.000	53.950.000.000
Tổng			-	-	130.679.860.000	130.679.860.000

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		30/6/2025		01/01/2025	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc (1)	18,40%	18,40%	76.729.860.000	-	-	-
			76.729.860.000	-	-	-
Tổng			76.729.860.000	(*)	-	(*)

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc tăng vốn điều lệ dẫn đến thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty từ 30% xuống 18,4%. Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng 3.690.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc tương đương 18,4% vốn điều lệ cho ông Trần Văn Huyền. Giá trị chuyển nhượng là 76.729.860.000 đồng (Tương ứng 20.794 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 05/7/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc. Hợp đồng chuyển nhượng được thanh lý sau khi ông Trần Văn Huyền hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Tại ngày 30/6/2025, Công ty đang sở hữu 3.690.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc.

(2) Chuyển nhượng 5.395.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình tương đương 39,963% vốn điều lệ cho ông Trần Văn Huyền với giá trị chuyển nhượng là 53.950.000.000 đồng (Tương ứng 10.000 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 05/7/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình. Thời hạn thanh toán hết số tiền theo hợp đồng chuyển nhượng trước ngày 30/12/2024. Hợp đồng đã được thanh lý tại ngày 27/02/2025.

(*) Tại ngày 30/6/2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.9 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	5.007.632.927	5.007.632.927	7.746.958.573	7.746.958.573
Công ty TNHH CN nặng	2.681.930.570	2.681.930.570	2.608.527.141	2.608.527.141
quảng phát Nam Ninh	1.766.972.740	1.766.972.740	1.718.611.362	1.718.611.362
Swiss Carbon Assets Ltd	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	558.729.617	558.729.617	419.820.070	419.820.070
Phải trả người bán khác				
Tổng	5.007.632.927	5.007.632.927	7.746.958.573	7.746.958.573

Trong đó:

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH CN nặng	2.681.930.570	2.681.930.570	2.608.527.141	2.608.527.141
quảng phát Nam Ninh				
Tổng	2.681.930.570	2.681.930.570	2.608.527.141	2.608.527.141

5.10 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2025
Phải nộp	3.724.812.435	4.954.328.342	6.566.751.658	2.112.389.119
Thuế giá trị gia tăng	808.499.591	1.944.142.800	1.937.656.786	814.985.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.534.675.856	-	1.534.675.856	-
Thuế thu nhập cá nhân	370.140.552	883.028.295	984.673.291	268.495.556
Thuế tài nguyên	358.523.756	1.526.278.355	1.249.304.997	635.497.114
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	652.972.680	594.878.892	854.440.728	393.410.844
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Phải thu	-	-	2.743.331.914	2.743.331.914
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.743.331.914	2.743.331.914

5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuê kênh trắng Viettel	13.636.364	13.636.364
Lãi vay phải trả	765.413.831	179.852.359
Chi phí khác	42.351.649	88.856.401
Tổng	821.401.844	282.345.124

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.12 Phải trả khác

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	52.866.103.489	47.873.668.423
Kinh phí công đoàn	343.795.126	394.298.590
Phải trả công tác Đảng	77.004.904	77.004.904
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	740.363.637	551.363.637
Phải trả tiền cổ tức (*)	3.622.352.000	2.743.164.000
Khoản chi khen thưởng về việc hoàn thành dự án	1.000.000.000	1.000.000.000
Ông Trần Văn Huyền (**)	46.729.000.000	42.679.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	353.587.822	428.837.292
Tổng	52.866.103.489	47.873.668.423

(*) Cổ tức phải trả là một phần cổ tức của các năm 2020, 2021, 2022 chưa được trả của các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tại Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và chưa đến trực tiếp Công ty làm thủ tục nhận cho đến hiện tại.

(**) Khoản đặt cọc của Ông Trần Văn Huyền về việc ông Trần Văn Huyền nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc. Theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng và Phụ lục kèm theo, ông Huyền sẽ chịu lãi chậm thanh toán trên giá trị chưa thanh toán theo Phụ lục hợp đồng. Hợp đồng chuyển nhượng và Phụ lục kèm theo được thanh lý sau khi ông Trần Văn Huyền hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		Phát sinh trong kỳ		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	23.705.799.118	23.705.799.118	19.640.000.000	20.863.220.882	24.929.020.000	24.929.020.000
Trần Văn Trung (4)	1.250.000.000	1.250.000.000	1.250.000.000	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	22.455.799.118	22.455.799.118	18.390.000.000	20.863.220.882	24.929.020.000	24.929.020.000
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	5.940.000.000	5.940.000.000	5.940.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	3.630.000.000	3.630.000.000	3.630.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HETD (1.1)	3.630.000.000	3.630.000.000	3.630.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	2.310.000.000	2.310.000.000	2.310.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HETD (1.1)	2.310.000.000	2.310.000.000	2.310.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	4.080.000.000	4.080.000.000	4.080.000.000	4.590.000.000	4.590.000.000	4.590.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HETD (2.1)	4.080.000.000	4.080.000.000	4.080.000.000	4.590.000.000	4.590.000.000	4.590.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	4.420.000.000	4.420.000.000	4.420.000.000	4.410.000.000	4.410.000.000	4.410.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HETD (2.1)	4.420.000.000	4.420.000.000	4.420.000.000	3.302.000.000	3.302.000.000	3.302.000.000
Hợp đồng số 02/2012/HETDNS	-	-	-	1.108.000.000	1.108.000.000	1.108.000.000
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đồng Đô	-	-	-	229.020.000	229.020.000	229.020.000
Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME	-	-	-	229.020.000	229.020.000	229.020.000
(4) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Công 5	8.015.799.118	8.015.799.118	3.950.000.000	3.634.200.882	7.700.000.000	7.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhuệ (3)	8.015.799.118	8.015.799.118	3.950.000.000	3.634.200.882	7.700.000.000	7.700.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/6/2025		Phát sinh trong kỳ		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	01/01/2025	
					Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	133.654.400.000	133.654.400.000	-	18.484.240.000	152.138.640.000	152.138.640.000
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	32.937.000.000	32.937.000.000	-	5.940.000.000	38.877.000.000	38.877.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	20.027.515.000	20.027.515.000	-	3.630.000.000	23.657.515.000	23.657.515.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	20.027.515.000	20.027.515.000	-	3.630.000.000	23.657.515.000	23.657.515.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	12.909.485.000	12.909.485.000	-	2.310.000.000	15.219.485.000	15.219.485.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	12.909.485.000	12.909.485.000	-	2.310.000.000	15.219.485.000	15.219.485.000
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	59.117.400.000	59.117.400.000	-	8.500.000.000	67.617.400.000	67.617.400.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	30.446.000.000	30.446.000.000	-	4.080.000.000	34.526.000.000	34.526.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	30.446.000.000	30.446.000.000	-	4.080.000.000	34.526.000.000	34.526.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	28.671.400.000	28.671.400.000	-	4.420.000.000	33.091.400.000	33.091.400.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	28.671.400.000	28.671.400.000	-	4.420.000.000	33.091.400.000	33.091.400.000
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô	-	-	-	94.240.000	94.240.000	94.240.000
Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME	-	-	-	94.240.000	94.240.000	94.240.000
(4) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Công 5	41.600.000.000	41.600.000.000	-	3.950.000.000	45.550.000.000	45.550.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhuệ (3)	41.600.000.000	63.650.000.000	-	3.950.000.000	45.550.000.000	45.550.000.000
Tổng	157.360.199.118	157.360.199.118	19.640.000.000	39.347.460.882	177.067.660.000	177.067.660.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NC-HĐTD ngày 08/9/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01/2024/1253105/SĐBS ngày 30/8/2024 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 183.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự Án Thủy điện Nậm Công;
- Thời hạn vay: 228 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng một lần

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Công là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Công và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 275.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (56%)	36.400.000.000	117.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (44%)	28.600.000.000	92.400.000.000
Tổng	65.000.000.000	210.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi

(2.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NS-HĐTD ngày 08/9/2009 và Phụ lục hợp đồng số 03/2024/1253105/SĐBS ngày 30/8/2024 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối và Hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD ngày 29/3/2013 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD là 167.000.000.000 VND; Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD là 10.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Sỏi;
- Thời hạn vay: 234 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Sỏi là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Sỏi và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 225.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (52%)	23.400.000.000	93.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (48%)	21.600.000.000	86.400.000.000
Tổng	45.000.000.000	180.000.000.000

(3) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Công 5: Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành theo Hợp đồng cho vay Dự án đầu tư số 01/2017-HĐCVDADT/NHCT322-NCSL ngày 12 tháng 09 năm 2017 với số tiền tối đa là 90.000.000.000 đồng và không vượt quá 69,8% tổng chi phí đầu tư thực tế (không gồm VAT). Thời hạn vay tối đa 156 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên không vượt quá 31/08/2030. Hình thức cho vay: Cho vay theo từng lần theo dự án đầu tư. Lãi suất của hợp đồng là lãi suất điều chỉnh, được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuê theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/HĐTCDAN/HCT322-NCSL-NAMCONG5 ngày 08 tháng 9 năm 2017 và động sản theo hợp đồng thế chấp số 02/2017/HĐTCDAN/HCT322-NCSL-NAMCONG5 ngày 08 tháng 9 năm 2017.

(4) Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2025/TVT-NCSL ngày 23/06/2025 giữa Ông Trần Văn Trung và Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La. Số tiền: 1.250.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Trả nợ gốc, lãi vay của khoản vay tại Vietinbank Chi nhánh Đô Thành và bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: Tối đa là 03 tháng, kể từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn: 7,5%/năm (Bằng lãi suất vay vốn của Công ty CP Thủy điện Nậm Công Sơn La tại Vietinbank Chi nhánh Đô Thành). Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đối với phần dư nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	405.000.000.000	2.545.454.545	50.893.802.471	156.759.680	458.596.016.696
Lãi trong năm trước	-	-	27.944.247.820	821.509	27.945.069.329
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	(23.192.536)	(76.807.464)	(100.000.000)
Số dư tại 31/12/2024	405.000.000.000	2.545.454.545	78.814.857.755	80.773.725	486.441.086.025
Số dư tại 01/01/2025	405.000.000.000	2.545.454.545	78.814.857.755	80.773.725	486.441.086.025
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	11.466.667.191	(28.206)	11.466.638.985
Chia trả cổ tức (*)	-	-	(20.250.000.000)	-	(20.250.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(832.353.780)	-	(832.353.780)
Số dư tại 30/6/2025	405.000.000.000	2.545.454.545	69.199.171.166	80.745.519	476.825.371.230

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCD ngày 24/04/2025 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 832.353.780 VND; trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 5% từ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCD ngày 26/6/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ông Trần Văn Ngư	139.378.500.000	139.378.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Khánh Hưng	63.170.000.000	63.170.000.000
Các cổ đông khác	202.451.500.000	202.451.500.000
Tổng	405.000.000.000	405.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và cổ tức, lợi nhuận đã chia

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	405.000.000.000	405.000.000.000
Vốn góp tại đầu kỳ	-	-
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	405.000.000.000	405.000.000.000
Cổ tức đã chia	20.250.000.000	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	35.337.799.017	32.920.197.497
Tổng	35.337.799.017	32.920.197.497

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn điện thương phẩm	16.283.331.716	15.109.844.847
Tổng	16.283.331.716	15.109.844.847

6.3 Doanh thu tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	551.944.444	703.882
Lãi bán các khoản đầu tư	-	2.780.415.000
Lãi chậm thanh toán thanh lý khoản đầu tư (*)	2.354.339.751	-
Tổng	2.906.284.195	2.781.118.882

(*) Khoản tiền lãi suất chậm thanh toán tính trên số tiền thanh toán chậm về khoản chuyển nhượng Cổ phần của Công ty Cổ phần đầu tư Trường Đại Lộc và Công ty cổ phần SHP Ninh Bình giữa Công ty và Ông Trần Văn Huyền với mức lãi suất 9%/năm.

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền vay	6.651.054.117	10.322.012.045
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	121.764.807	-
Tổng	6.772.818.924	10.322.012.045

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.702.563.860	2.308.543.382
Chi phí nhân viên quản lý	1.494.246.507	1.552.207.593
Chi phí vật liệu quản lý	361.992.554	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	497.843.098	10.943.940
Chi phí khấu hao TSCĐ	197.104.214	196.623.336
Thuế phí và lệ phí	62.891.826	37.888.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	415.976.382	389.532.381
Chi phí bằng tiền khác	672.509.279	121.347.972
Tổng	3.702.563.860	2.308.543.382

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.6 Thu nhập khác/chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý vật tư thiết bị cũ hỏng	-	39.809.091
Tổng	-	39.809.091
Chi phí khác		
Ủng hộ xây dựng khu tâm linh đền thờ Liệt sỹ	-	300.000.000
Chi phí khác	12.529.997	3.772.141
Tổng	12.529.997	303.772.141
Lợi nhuận khác	(12.529.997)	(263.963.050)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	1.603.425.539
Tổng	-	1.603.425.539

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.466.638.985	5.899.003.372
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(28.206)	(2.078.529)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(416.176.890)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.466.667.191	5.484.905.011
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	40.500.000	40.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	283	135

(*) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 trình bày lại do trong năm 2025 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 832.353.780 VND. Do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2024 được trừ đi ½ số trích trên là 416.176.890 đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 từ 146 VND/cổ phiếu xuống còn 135 VND/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Đã trình bày)	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại)	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.899.003.372	5.899.003.372	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(2.078.529)	(2.078.529)	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(416.176.890)	(416.176.890)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.901.081.901	5.484.905.011	(416.176.890)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	40.500.000	40.500.000	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	146	135	(10)

6.9 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.466.638.985	5.899.003.372
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(28.206)	(2.078.529)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(416.176.890)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(416.176.890)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.466.667.191	5.484.905.011
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành tăng thêm (CP) (i)	5.670.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	248	135

(i) Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành tăng thêm cụ thể như sau:

+ Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành tăng thêm cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 là 5.670.000 cổ phiếu theo Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025.

+ Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2025, sau khi có văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được tài liệu phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty;

+ Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 46.170.000 cổ phiếu;

+ Vốn điều lệ sau khi phát hành: 461.700.000.000 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	839.860.148	1.796.633.559
Chi phí nhân công	6.010.906.071	4.749.469.695
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.652.927.506	8.683.362.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.030.783.967	1.852.506.165
Chi phí khác bằng tiền	1.451.417.884	336.416.162
Tổng	19.985.895.576	17.418.388.229

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển An Khánh Hưng	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể
Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:	
Giao dịch với các thành viên chủ chốt	

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại) VND
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thu nhập	1.502.555.916	744.662.837

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại)
		VND	VND
Hội đồng Quản trị		527.339.621	365.307.667
Ông Trần Văn Ngư	Chủ tịch HĐQT	274.556.273	-
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	216.783.348	-
Ông Phí Văn Thịnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)	12.000.000	-
Ông Trần Văn Huyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)	24.000.000	177.844.286
Ông Dương Văn Quyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	160.463.381
Ông Trần Đức Hậu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	27.000.000
Ban Tổng Giám đốc		371.388.251	121.855.571
Ông Phạm Minh Ngọc	Tổng Giám đốc	179.877.725	-
Ông Trần Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc	191.510.526	-
Ông Nguyễn Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/7/2024)	-	121.855.571
Ban Kiểm soát		436.317.518	170.281.599
Ông Lưu Văn Hồ	Trưởng ban	155.895.364	-
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)	78.311.090	-
Bà Trần Thị Trinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)	24.000.000	-
Ông Trần Văn Phúc	Thành viên	178.111.064	-
Bà Bùi Thị Vân	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	27.000.000
Bà Vũ Thị Trà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	84.941.599
Bà Trần Thùy Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	58.340.000
Người quản lý khác		167.510.526	87.218.000
Ông Đoàn Văn Hiếu	Kế toán trưởng	167.510.526	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 10/7/2024)	-	87.218.000
Tổng		1.502.555.916	744.662.837

7.2 Thông tin khác

➤ **Tăng vốn điều lệ**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu và trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu và Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 của Hội đồng Quản trị về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 5.670.000 cổ phiếu;
- Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá: 56.700.000.000 đồng;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 50 : 7 (Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền theo tỷ lệ 50:7. Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền, mỗi cổ đông sở hữu 50 quyền sẽ nhận thêm 07 cổ phần);
- Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2025, sau khi có văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được tài liệu phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty;
- Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 46.170.000 cổ phiếu;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 461.700.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Đoàn Văn Hiếu

Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2025



Chức tịch HĐQT

Trần Văn Ngu

